

Bản án số: 64/2019/HNGĐ-ST

Ngày 21-8-2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiến.

Bà Hà Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 377/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Phan Thị Cẩm T, sinh năm 1991. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B.

Bị đơn: anh Trần Ngọc D, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

ĐKTT: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2019, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm T trình bày:*

Tôi và anh Trần Ngọc D cưới nhau năm 2009 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (B – B) năm 2009. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng cách nay hơn 01 năm vợ chồng không còn hạnh phúc nguyên nhân là do anh D thường xuyên chửi bới, thậm chí là đánh đập tôi, không quan tâm đến tôi và con, cũng không phụ tiền để cùng tôi nuôi con mà còn tham gia chơi cờ

bạc, bên cạnh đó anh D cũng xảy ra bất hòa với mẹ ruột của tôi, vợ chồng tôi đã ly thân từ Tết năm 2019 đến nay. Nay tôi không còn thương chồng tôi, không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với chồng tôi nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với chồng là anh Trần Ngọc D.

Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi có 02 con chung: Trần Ngọc G, sinh ngày 20/4/2010 và Trần Ngọc P, sinh ngày 08/8/2012, hai con chung hiện do tôi nuôi dưỡng, khi ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, tôi tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

** Trong quá trình tố tụng anh Trần Ngọc D trình bày:*

Tôi và vợ Phan Thị Cẩm T cưới nhau năm 2009 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (B – B) năm 2009. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng cách nay khoảng một năm vợ tôi đi làm công ty còn tôi thì đi biển lâu lâu mới về nhà, nên vợ chồng ít gặp được nhau chứ không phải tôi không quan tâm đến vợ con, tôi thấy giữa vợ chồng tôi không có mâu thuẫn gì, tôi rất thương vợ nên vợ tôi yêu cầu ly hôn với tôi thì tôi không đồng ý.

Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi có 02 con chung: Trần Ngọc G, sinh ngày 20/4/2010 và Trần Ngọc P, sinh ngày 08/8/2012, hai con chung hiện do vợ tôi nuôi dưỡng, trường hợp Tòa giải quyết cho vợ chồng tôi ly hôn thì tôi đồng ý để vợ tôi tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, tôi không cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B trình bày quan điểm:*

Về tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án đủ điều kiện đưa ra xét xử theo quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Cẩm T. Con chung: đề nghị giao hai con chung Trần Ngọc G, sinh ngày 20/4/2010 và Trần Ngọc P, sinh ngày 08/8/2012 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng muốn sống với mẹ của hai cháu G và P tại biên bản lấy ý kiến con chung của Tòa án), ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Tài sản chung: không tranh chấp nên không xem xét. Nợ chung: không có nên không xem xét.

Từ các lời trình bày trên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp các văn bản tố tụng cho anh Trần Ngọc D và anh D có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Ngọc D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Thị Cẩm T và anh Trần Ngọc D cưới nhau vào năm 2009 hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh B năm 2009. Do đó, hôn nhân của chị T và anh D là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: trong quá trình chung sống với nhau giữa vợ chồng chị T và anh D xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi, gây gổ với nhau dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc. Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm chị T vẫn giữ quan điểm kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh D, không đồng ý hàn gắn với anh D. Anh D mặc dù có ý kiến không đồng ý ly hôn với chị T nhưng anh không có biện pháp hàn gắn, tháo gỡ mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên xét thấy yêu cầu của chị T về việc ly hôn với anh D là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh D có 02 con chung: Trần Ngọc G, sinh ngày 20/4/2010 và Trần Ngọc P, sinh ngày 08/8/2012, hai con chung hiện do chị T nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con (yêu cầu này của chị T được anh D đồng ý và phù hợp với nguyện vọng của hai con chung), chị T tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Do đó, HĐXX xét thấy việc giao hai con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng của hai con chung đồng thời ghi nhận việc chị T tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi hai con.

[4] Về tài sản chung: do không tranh chấp nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: không có.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Phan Thị Cẩm T phải nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Phan Thị Cẩm T ly hôn với anh Trần Ngọc D.

2. Con chung: Chị Phan Thị Cẩm T có quyền tiếp tục trực nuôi dưỡng hai con chung Trần Ngọc G, sinh ngày 20/4/2010 và Trần Ngọc P, sinh ngày 08/8/2012. Ghi nhận việc chị T tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Anh Trần Ngọc D có quyền đến thăm nom con chung. Vì lợi ích của con chung, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị Cẩm T phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004999 ngày 18/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Do đó, án phí sơ thẩm chị T đã nộp xong.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tiến

Hà Thị Dung

Lê Văn Lâm

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tiến

Hà Thị Dung

Lê Văn Lâm

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Tân Hưng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lâm

